

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực
Tài nguyên nước, Biển và hải đảo thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nông
nghiệp và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 3219/SNNMT-TCCB ngày 26/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ 06 (sáu) thủ tục hành chính (TTHC) trong đó 01 TTHC lĩnh vực Tài nguyên nước và 05 TTHC lĩnh vực Biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan căn cứ Quyết định này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh để áp dụng thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025;

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc các Trung tâm: Phục vụ hành chính công tỉnh; Công báo - Tin

học tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, KH&CN;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, NC₄.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TTHC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC, BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	1.001662	08 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Dịch vụ bưu chính công ích. - Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố TTHC lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước.

II. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (đối với UBND cấp xã có biển)

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
----	------------------------	---------	---------------------	--------------------	-------------	----------------

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	-	28 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã có biển. - Dịch vụ bưu chính công ích. - Công dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và Hải đảo năm 2015. - Luật Biển Việt Nam năm 2012; - Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 11/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Gia hạn thời hạn giao khu	-	24 ngày làm việc	Như trên	Không	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản					
3	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	-	- Trường hợp trả lại toàn bộ khu vực biển: 19 ngày làm việc. - Trường hợp trả lại một phần khu vực biển: 24 ngày làm việc	Như trên	Không	Như trên
4	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	-	24 ngày làm việc	Như trên	Không	Như trên
5	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	-	14 ngày làm việc	Như trên	Không	Như trên

PHẦN II. QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.TNN.01	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng Dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
-	Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất theo mẫu BM.TNN.01.01 (đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt) hoặc theo mẫu BM.TNN.01.02 (đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ).	X	
	* Lưu ý khi nộp hồ sơ: - Trường hợp tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ không phải là tổ chức/cá nhân đăng ký khai thác thì phải được ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến thì quét (Scan) màu từ bản chính.		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
2.5	Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Dịch vụ bưu chính công ích.		

	- Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn			
2.7	Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Không.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC:			
	Xác nhận Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất theo mẫu BM.TNN.01.01 (đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không vượt quá 10 m ³ /ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt); theo mẫu BM.TNN.01.02 (đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn 2. Kiểm tra hồ sơ: - UBND cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; - UBND cấp xã trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích bằng văn bản. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và Hồ sơ kèm theo.

B2	Chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn nông nghiệp và môi trường (NN&MT) cấp xã tổ chức thẩm định.	Công chức TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện; Văn thư	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ kèm theo.
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp không đủ điều kiện xác nhận thì dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ và nêu rõ lý do trình lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã ký nháy theo bước B4. - Trường hợp đủ điều kiện xác nhận thì tham mưu dự thảo Dự thảo nội dung xác nhận Tờ khai trình lãnh đạo lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã xem xét ký, ký nháy theo bước B4.	Công chức xử lý hồ sơ	04 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ/Dự thảo nội dung Xác nhận Tờ khai.
B4	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại bước B3	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã	01 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ/Dự thảo nội dung Xác nhận Tờ khai.
B5	Chủ tịch UBND cấp xã xem xét ký duyệt	Chủ tịch UBND cấp xã	02 ngày	Mẫu 05 Văn bản thông báo trả hồ sơ/Xác nhận Tờ khai.
B6	Đóng dấu và phát hành văn bản. Chuyển trả kết quả sang Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư; công chức xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo trả hồ sơ/ Xác nhận Tờ khai.

B7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Văn bản thông báo trả hồ sơ/Xác nhận Tờ khai.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/ chuyển/ trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên phần mềm: https://dichvucong.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	 Mẫu 01.docx Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả		
	Mẫu 02	 Mẫu 02.docx Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ		
	Mẫu 03	 Mẫu 03.docx Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ		
	Mẫu 04	 Mẫu 04.docx Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả		
	Mẫu 05	 Mẫu 05.docx Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ		

	Mẫu 06	 Mẫu 06.docx Sổ theo dõi hồ sơ
	BM.TNN.01.01	 BM.TNN.01.01.docx - Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất.
	BM.TNN.01.02	 BM.TNN.01.02 .docx - Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ.	
-	Văn bản thông báo trả hồ sơ.	
-	Xác nhận Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất.	
Hồ sơ được lưu tại cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

II. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.BHĐ.01	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:		
	- Cá nhân Việt Nam đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản năm trong vùng biển 03 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP. - Hạn mức giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05ha. - Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	+ Thực hiện trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; + Qua Dịch vụ bưu chính công ích; + Qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn.		
2.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị giao khu vực biển theo mẫu BM.BHĐ.01.01	x	
	2. Bản sao một trong các giấy tờ sau: Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc mã Số định danh cá nhân		x
	3. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc giấy xác nhận của UBND cấp xã về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.		x
	4. Bản đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm của khu vực biển theo mẫu BM.BHĐ.01.02.	x	

	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ:</i> - Trường hợp tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ không phải là tổ chức/cá nhân đề nghị giao khu vực biển thì phải được ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến thì quét (Scan) màu từ bản chính.			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			
2.5	Thời hạn giải quyết: 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian lấy ý kiến, thời gian kiểm tra thực địa, thời gian bổ sung, điều chỉnh hồ sơ).			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã Cơ quan ra quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã có biển. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định về việc giao khu vực biển hoặc Văn bản trả hồ sơ/Văn bản thông báo không đủ điều kiện giao khu vực biển			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn 2. Kiểm tra hồ sơ: - UBND cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp - UBND cấp xã trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3

	việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích bằng văn bản. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.			
B2	Chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn nông nghiệp và môi trường (NN&MT) cấp xã tổ chức thẩm định.	Công chức TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện; Văn thư	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Xem xét xử lý hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý tham mưu văn trả hồ sơ trình Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã xem xét và Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt, Văn thư đóng dấu và chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B11. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì thực hiện bước tiếp theo	Công chức xử lý hồ sơ, Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản trả hồ sơ, hồ sơ kèm theo (nếu không đủ điều kiện giải quyết).
B4	Thẩm định hồ sơ: Trường hợp cần thiết phải kiểm tra thực địa thì tham mưu giấy mời và chuẩn bị các nội dung để kiểm tra thực địa.	Công chức xử lý hồ sơ, Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã	01 ngày	Mẫu 05; Giấy mời kiểm tra thực địa (nếu có) đã được gửi đi
B5	Đóng dấu, phát hành văn bản	Văn thư, Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 05, Hồ sơ, Tờ trình và dự thảo Văn bản lấy ý

				kiến
B6	Tổ chức đi kiểm tra thực địa (nếu cần thiết).	Cơ quan chuyên môn về NN&MT cấp xã, các thành viên trong giấy mời	17 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có).
	Dự thảo Báo cáo thẩm định và Văn bản tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan khi nhận được ý kiến góp ý.	Công chức được giao xử lý hồ sơ		Mẫu 05; Báo cáo thẩm định; Văn bản tổng hợp ý kiến
	Trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa và ý kiến của các ngành liên quan nếu hồ sơ cần bổ sung, chỉnh sửa thì tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ và nộp lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã) + Nếu sau bổ sung chỉnh sửa không đáp ứng yêu cầu thì tham mưu văn bản trả hồ sơ trình Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã xem xét ký nháy, Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt, phát hành văn bản và trả cho tổ chức cá nhân qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo bước B11 + Nếu hồ sơ sau chỉnh sửa bổ sung đáp ứng yêu cầu thì tiếp tục hoàn thiện Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến và thực hiện các bước tiếp theo.	Cơ quan chuyên môn về NN&MT cấp xã; Chủ tịch UBND cấp xã		Mẫu 05; Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có). Mẫu 05; Văn bản trả hồ sơ (nếu không đủ điều kiện).
B7	Dự thảo Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND xã giao khu vực	Công chức được giao	2,5 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Báo cáo

	biên kèm theo dự thảo Quyết định giao khu vực biển trình Lãnh đạo chuyên môn về NN&MT cấp xã xem xét, ký nháy.	xử lý hồ sơ		thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến; Tờ trình và Quyết định.
B8	Xem xét, duyệt, ký nháy kết quả bước B7	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã	0,5 ngày	Mẫu 05; Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến, dự thảo Tờ trình đã ký nháy và dự thảo Quyết định
B9	Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định	Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày	Quyết định giao khu vực biển/Văn bản thông báo không đủ điều kiện giao khu vực biển.
B10	Đóng dấu, phát hành văn bản	Văn thư, Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 05, Hồ sơ, Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến, Tờ trình và dự thảo Quyết định.
B11	Trả kết quả giải quyết TTHC	Công chức TN&TKQ; tổ chức, cá nhân.	Giờ hành chính	Mẫu 01; 06; Quyết định giao khu vực biển/Văn bản thông báo không đủ điều kiện phê duyệt quyết định giao khu vực biển/ Văn bản trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên</i>			

	phần mềm: https://dichvucong.gov.vn với các bước trong quy trình.	
3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.BHĐ.01.01	Đơn đề nghị giao khu vực biển  BM.BHĐ.01.01
	BM.BHĐ.01.02	Bản đồ khu vực biển đề nghị giao

		 BM.BHĐ.01.02.docx
	BM.BHĐ.01.03	Quyết định về việc giao khu vực biển  BM.BHĐ.01.03.docx
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ.	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3.	
-	Văn bản lấy ý kiến, Văn bản cho ý kiến, Văn bản tổng hợp ý kiến.	
-	Giấy mời tham gia kiểm tra thực địa; Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có).	
-	Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có).	
-	Báo cáo thẩm định, Tờ trình.	
-	Quyết định giao khu vực biển.	
Hồ sơ được lưu tại cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

2. Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.BHĐ.02
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:	
	- Hạn mức gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05 ha. - Cá nhân Việt Nam đang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao sử dụng khu vực biển. - Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị gia hạn thời hạn.	

	- Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP. - Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	+ Thực hiện trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; + Qua Dịch vụ bưu chính công ích; + Qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển BM.BHĐ.02.01	X	
	2. Quyết định giao khu vực biển đã được cấp	X	
	3. Văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn hoặc còn thời hạn		X
	4. Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn theo mẫu BM.BHĐ.02.03.	X	
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ:</i> - Trường hợp tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ không phải là tổ chức/cá nhân đề nghị giao khu vực biển thì phải được ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến thì quét (Scan) màu từ bản chính.		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		
2.5	Thời hạn giải quyết: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian lấy ý kiến, thời gian kiểm tra thực địa, thời gian bổ sung, điều chỉnh hồ sơ).		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.7	Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã		

	Cơ quan ra quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã có biên. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định về việc giao khu vực biển hoặc Văn bản trả hồ sơ/Văn bản thông báo không đủ điều kiện giao khu vực biển			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn 2. Kiểm tra hồ sơ: - UBND cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp - UBND cấp xã trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích bằng văn bản. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn nông nghiệp và môi trường (NN&MT) cấp xã tổ chức thẩm định.	Công chức TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện; Văn thư	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Xem xét xử lý hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện	Công chức xử lý hồ sơ,		Mẫu 05; Văn bản trả hồ sơ, hồ

	xử lý tham mưu văn trả hồ sơ trình Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã xem xét và Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt, Văn thư đóng dấu và chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B11. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì thực hiện bước tiếp theo	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày	sơ kèm theo (nếu không đủ điều kiện giải quyết).
B4	Thẩm định hồ sơ: Trường hợp cần thiết phải kiểm tra thực địa thì tham mưu giấy mời, và chuẩn bị các nội dung để kiểm tra thực địa	Công chức xử lý hồ sơ, Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã	1,5 ngày	Mẫu 05; Giấy mời kiểm tra thực địa (nếu có) đã được gửi đi
B5	Đóng dấu, phát hành văn bản	Văn thư, Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 05, Hồ sơ, Tờ trình và dự thảo Văn bản lấy ý kiến
B6	Tổ chức đi kiểm tra thực địa (nếu cần thiết).	Cơ quan chuyên môn về NN&MT cấp xã, các thành viên trong giấy mời	13 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có).
	Dự thảo Báo cáo thẩm định và Văn bản tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan khi nhận được ý kiến góp ý.	Công chức được giao xử lý hồ sơ		Mẫu 05; Báo cáo thẩm định; Văn bản tổng hợp ý kiến
	Trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa và ý kiến của các ngành liên quan nếu hồ	Cơ quan chuyên môn về		Mẫu 05; Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ

	sơ cần bổ sung, chỉnh sửa thì tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ và nộp lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã) + Nếu sau bổ sung chỉnh sửa không đáp ứng yêu cầu thì tham mưu văn bản trả hồ sơ trình Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã xem xét ký nháy, Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt, phát hành văn bản và trả cho tổ chức cá nhân qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo bước B11 + Nếu hồ sơ sau chỉnh sửa bổ sung đáp ứng yêu cầu thì tiếp tục hoàn thiện Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến và thực hiện các bước tiếp theo.	NN&MT cấp xã; Chủ tịch UBND cấp xã		(nếu có). Mẫu 05; Văn bản trả hồ sơ (nếu không đủ điều kiện).
B7	Dự thảo Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND xã giao khu vực biển kèm theo dự thảo Quyết định giao khu vực biển trình Lãnh đạo chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã xem xét, ký nháy.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	1,5 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến; Tờ trình và Quyết định.
B8	Xem xét, duyệt, ký nháy kết quả bước B7	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã	0,5 ngày	Mẫu 05; Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến, dự thảo Tờ trình đã ký nháy và dự thảo Quyết định
B9	Chủ tịch UBND xã xem xét, quyết định.	Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày	Quyết định giao khu vực biển/Văn bản thông báo không đủ điều kiện giao khu vực biển.

B10	Đóng dấu, phát hành văn bản	Văn thư, Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 05, Hồ sơ, Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến, Tờ trình và dự thảo Quyết định.
B11	Trả kết quả giải quyết TTHC	Công chức TN&TKQ; tổ chức, cá nhân.	Giờ hành chính	Mẫu 01; 06; Quyết định giao khu vực biển/Văn bản thông báo không đủ điều kiện phê duyệt quyết định giao khu vực biển/ Văn bản trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo
<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên phần mềm: https://dichvucong.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>				
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả		 Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ		 Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ		 Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả		

		 Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.BHĐ.02.01	Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển  BM.BHĐ.02.01.docx
	BM.BHĐ.02.02	Quyết định về việc giao khu vực biển  BM.BHĐ.02.02.docx
	BM.BHĐ.02.03	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển  BM.BHĐ.02.03.docx
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ.	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3.	
-	Văn bản lấy ý kiến, Văn bản cho ý kiến, Văn bản tổng hợp ý kiến.	
-	Giấy mời tham gia kiểm tra thực địa; Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có).	

-	Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có).
-	Báo cáo thẩm định, Tờ trình.
-	Quyết định giao khu vực biển.
Hồ sơ được lưu tại cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

3. Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.BHĐ.03	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC		
	- Cá nhân Việt Nam được trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển đã được giao khi không còn nhu cầu sử dụng. - Cá nhân Việt Nam trả lại khu vực biển phải thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao theo quy định của pháp luật. - Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ trả lại khu vực biển theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng Dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị trả lại khu vực biển, theo mẫu BM.BHĐ.03.01.	x	
	2. Bản chính Quyết định giao khu vực biển đã được cấp.		
	3. Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển theo mẫu BM.BHĐ.03.02.	x	
	4. Bản đồ khu vực biển (đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực biển) theo mẫu BM.BHĐ.03.03.	x	

	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ:</i> - Trường hợp tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ không phải là tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại khu vực biển thì phải được ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến thì quét (Scan) màu từ bản chính.			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			
2.5	Thời hạn giải quyết: - Trường hợp trả lại toàn bộ khu vực biển: 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian lấy ý kiến, thời gian kiểm tra thực địa, thời gian bổ sung chỉnh sửa hồ sơ) - Trường hợp trả lại một phần khu vực biển: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian lấy ý kiến, thời gian kiểm tra thực địa, thời gian bổ sung chỉnh sửa hồ sơ).			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Dịch vụ bưu chính công ích. - Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. Cơ quan ra quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã có biển. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định cho phép trả lại khu vực biển (toàn bộ) hoặc Quyết định giao khu vực biển mới đối với phần diện tích khu vực biển còn lại/Văn bản thông báo không đủ điều kiện trả lại khu vực biển hoặc Văn bản trả hồ sơ.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Cổng	Công chức TN&TKQ và tổ	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3

	Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn 2. Kiểm tra hồ sơ: - UBND cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; - UBND cấp xã trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích bằng văn bản. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	chức, cá nhân		
B2	Chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn nông nghiệp và môi trường (NN&MT) cấp xã tổ chức thẩm định.	Công chức TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện; Văn thư	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Xem xét xử lý hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý tham mưu văn trả hồ sơ trình Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã xem xét và Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt, Văn thư đóng dấu và chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B8. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, Giấy mời kiểm tra thực địa (nếu cần thiết)	Công chức xử lý hồ sơ, Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản trả hồ sơ, hồ sơ kèm theo (nếu không đủ điều kiện giải quyết). Hoặc Văn bản lấy ý kiến; Giấy mời.
B4	Tổ chức đi kiểm tra thực địa (nếu cần thiết).	Cơ quan chuyên môn về	- Trả lại một phần khu vực	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có).

		NN&MT cấp xã, các thành viên trong giấy mời	biên : 15 ngày; - Trả lại toàn bộ khu vực biên : 10 ngày (không kể thời gian kiểm tra thực địa, Lấy ý kiến, bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ)	
	Dự thảo báo cáo thẩm định và Tổng hợp ý kiến của các đơn vị cơ quan liên quan khi nhận được ý kiến góp ý	Công chức được giao xử lý hồ sơ		Mẫu 05; Báo cáo thẩm định; Văn bản tổng hợp ý kiến
	Trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa và ý kiến của các đơn vị liên quan nếu hồ sơ cần bổ sung, chỉnh sửa thì tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ và nộp lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã) + Nếu sau bổ sung chỉnh sửa không đáp ứng yêu cầu thì tham mưu văn bản trả hồ sơ trình Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã xem xét ký nháy, Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt, phát hành văn bản và trả cho tổ chức cá nhân qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo bước B8. + Nếu hồ sơ sau chỉnh sửa bổ sung đáp ứng yêu cầu thì tiếp tục hoàn thiện Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến và thực hiện các bước tiếp theo.	Cơ quan chuyên môn về NN&MT cấp xã; Chủ tịch UBND cấp xã		Mẫu 05; Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ; Văn bản trả hồ sơ (nếu không đủ điều kiện)
B5	Dự thảo Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã giao khu vực biên mới hoặc cho phép trả lại toàn bộ khu vực biên kèm theo Dự thảo Quyết định trình Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã xem xét ký	Công chức được giao xử lý hồ sơ	02 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Tờ trình và Quyết định.

	nháy			
B6	Xem xét, ký nháy kết quả tại B5	Lãnh đạo cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã	0,5 ngày	Mẫu 05; Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến, dự thảo Tờ trình đã ký nháy và dự thảo Quyết định đã ký nháy.
B7	Chủ tịch UBND cấp xã xem xét ký duyệt	Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày	Mẫu 05; Quyết định giao khu vực biển mới/Quyết định cho phép trả lại khu vực biển/Văn bản thông báo không đủ điều kiện trả lại KVB.
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC	Công chức TN&TK, tổ chức, cá nhân.	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Quyết định giao khu vực biển mới/Quyết định cho phép trả lại khu vực biển/Văn bản thông báo không đủ điều kiện trả lại KVB/Văn bản trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên phần mềm: https://dichvucong.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả		

		 Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.BHĐ.03.01	Đơn đề nghị trả lại hoặc trả lại một phần khu vực biển.  BM.BHĐ.03.01.docx
	BM.BHĐ.03.02	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển.  BM.BHĐ.03.02.docx

	BM.BHĐ.03.03	 BM.BHĐ.03.03.docx Bản đồ khu vực biển.
	BM.BHĐ.03.04	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển.  BM.BHĐ.03.04.docx
	BM.BHĐ.03.05	Quyết định về việc giao khu vực biển mới.  BM.BHĐ.03.05.docx
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ.	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3.	
-	Văn bản lấy ý kiến, Văn bản cho ý kiến, Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý.	
-	Giấy mời tham gia kiểm tra thực địa, biên bản kiểm tra thực địa (nếu có).	
-	Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có).	
-	Báo cáo thẩm định, Tờ trình đề nghị giao khu vực biển mới hoặc cho phép trả lại khu vực biển; dự thảo quyết định.	
-	Quyết định giao khu vực biển mới hoặc Quyết định cho phép trả lại khu vực biển.	
Hồ sơ được lưu tại cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

4. Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.BHĐ.04
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	

2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:		
	- Quyết định giao khu vực biển được xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây: + Thay đổi thông tin của cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển nhưng không làm thay đổi về sở hữu của cá nhân Việt Nam trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này; + Thay đổi về sở hữu của cá nhân Việt Nam đã được giao khu vực biển trong trường hợp nếu cá nhân Việt Nam đã chết mà có người thừa kế; + Thay đổi về độ sâu; chiều cao công trình, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao do đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được điều chỉnh; tăng diện tích sử dụng khu vực biển trong trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc điều chỉnh văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển; thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao trong trường hợp một phần khu vực biển bị thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật. - Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. - Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực. - Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển được thể hiện bằng Quyết định giao khu vực biển mới. Thời hạn giao khu vực biển là thời hạn còn lại của Quyết định giao khu vực biển trước đó.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng Dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn.		
2.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, theo mẫu BM.BHD.04.01.	x	
	2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Quyết định giao khu vực biển đã được cấp.		
	3. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển		x

	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ:</i> - Trường hợp tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ không phải là tổ chức/cá nhân đề nghị sửa đổi bổ sung quyết định giao khu vực biển thì phải được ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến thì quét (Scan) màu từ bản chính.			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			
2.5	Thời hạn giải quyết: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian lấy ý kiến, thời gian kiểm tra thực địa, thời gian bổ sung chỉnh sửa hồ sơ).			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Dịch vụ bưu chính công ích. - Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã Cơ quan ra quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định về việc giao khu vực biển (sửa đổi, bổ sung)/Văn bản thông báo không đủ điều kiện để sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển hoặc Văn bản trả hồ sơ.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn 2. Kiểm tra hồ sơ: - UBND cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3

	hợp nộp trực tiếp; - UBND cấp xã trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.			
B2	Chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn nông nghiệp và môi trường (NN&MT) cấp xã tổ chức thẩm định.	Công chức TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện; Văn thư	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Xem xét xử lý hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý tham mưu văn trả hồ sơ trình Cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã xem xét và Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt, Văn thư đóng dấu và chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B8. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, Giấy mời kiểm tra thực địa (nếu cần thiết)	Công chức xử lý hồ sơ, , Cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản trả hồ sơ, hồ sơ kèm theo (nếu không đủ điều kiện giải quyết). Hoặc Văn bản lấy ý kiến; Giấy mời.
B4	Tổ chức đi kiểm tra thực địa (nếu cần thiết).	Cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, các thành viên trong giấy mời	15,5 ngày (không kể thời gian kiểm tra thực địa, chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ)	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có).

	Dự thảo Báo cáo thẩm định và Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan khi nhận được ý kiến góp ý.	Công chức được giao xử lý hồ sơ		Mẫu 05; Dự thảo Báo cáo thẩm định; Văn bản tổng hợp ý kiến
	Trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa và ý kiến của các ngành liên quan nếu hồ sơ cần bổ sung, chỉnh sửa thì tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ và nộp lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã). + Nếu sau bổ sung chỉnh sửa không đáp ứng yêu cầu thì tham mưu văn bản trả hồ sơ trình Cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã xem xét ký nháy, Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt, phát hành văn bản và trả cho tổ chức cá nhân qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo bước B8. + Nếu hồ sơ sau chỉnh sửa bổ sung đáp ứng yêu cầu thì tiếp tục hoàn thiện Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến và thực hiện các bước tiếp theo.	Phòng TNN,B&HĐ; Chủ tịch UBND cấp xã		Mẫu 05; Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ Hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu không đủ điều kiện)
B5	Dự thảo Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển kèm theo Dự thảo Quyết định trình Cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã xem xét ký nháy	Công chức được giao xử lý hồ sơ	1,5 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Tờ trình và Quyết định.
B6	Xem xét, ký nháy kết quả tại B5	Cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã	0,5 ngày	Mẫu 05; Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý, dự thảo Tờ trình đã ký nháy

				và dự thảo Quyết định.
B7	Chủ tịch UBND cấp xã xem xét ký duyệt	Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày	Mẫu 05; Quyết định giao khu vực biển (sửa đổi, bổ sung)/Văn bản thông báo không đủ điều kiện sửa đổi, bổ sung QĐ giao khu vực biển/ Văn bản trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo.
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC	Công chức TN&TKQ tổ chức, cá nhân.	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Quyết định giao khu vực biển (sửa đổi, bổ sung)/Văn bản thông báo không đủ điều kiện sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển/ Văn bản trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên phần mềm: https://dichvucong.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ		

		 Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.BHĐ.04.01	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển.  BM.BHĐ.04.01.docx
	BM.BHĐ.04.02	 BM.BHĐ.04.02.docx Quyết định về việc giao khu vực biển.
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại trung tâm hành chính công cấp xã. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ.	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3	
-	Văn bản lấy ý kiến, Văn bản cho ý kiến, Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý	

-	Giấy mời tham gia kiểm tra thực địa, biên bản kiểm tra thực địa (nếu có)
-	Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có)
-	Báo cáo thẩm định, Tờ trình đề nghị sửa đổi, bổ sung QĐ giao KVB
-	Quyết định giao KVB (sửa đổi, bổ sung)
Hồ sơ được lưu tại bộ phận chuyên môn NN&MT cấp xã, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

5. Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.BHĐ.05	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:		
	- Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật trước ngày 15/7/2014 và đang sử dụng khu vực biển mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật. - Hạn mức giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05 ha.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn .		
2.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị công nhận khu vực biển theo mẫu BM.BHĐ.05.01.	x	
	2. Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;	x	

	- Bản chính hoặc bản sao văn bản có chứng thực cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;					
	4. Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển theo mẫu BM.BHĐ.05.02.				x	
	5. Bản đồ khu vực biển được lập theo mẫu BM.BHĐ.05.03.				x	
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ:</i> - Trường hợp tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ không phải là tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận thì phải được ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến thì quét (Scan) màu từ bản chính.					
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).					
2.5	Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan, thời gian kiểm tra thực địa, thời gian bổ sung chỉnh sửa hồ sơ).					
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Dịch vụ bưu chính công ích. - Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn					
2.7	Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã Cơ quan ra quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan					
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.					
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định về việc giao khu vực biển/Văn bản trả hồ sơ hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện công nhận khu vực biển.					
2.10	Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả		
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ.	Công	Giờ hành	Mẫu số 01; 02 (nếu		

	Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn 2. Kiểm tra hồ sơ: - UBND cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; - UBND cấp xã trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích bằng văn bản. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	chính	có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về cơ quan chuyên môn nông nghiệp và môi trường (NN&MT) cấp xã tổ chức thẩm định.	Công chức TN&TKQ hoặc nhân viên Bưu điện; Văn thư	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B3	Xem xét xử lý hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý tham mưu văn trả hồ sơ trình cơ quan chuyên môn NN&MT xem xét và Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt, Văn thư đóng dấu và chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B9. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì thực hiện bước tiếp theo.	Công chức xử lý hồ sơ, Cơ quan chuyên môn NN&MT, Chủ tịch UBND cấp xã	02 ngày	Mẫu 05; Văn bản trả hồ sơ, hồ sơ kèm theo (nếu không đủ điều kiện giải quyết).

B4	Thẩm định hồ sơ: Tham mưu Văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, Giấy mời kiểm tra thực địa (nếu cần thiết)	Công chức xử lý hồ sơ	01 ngày	Mẫu 05: Dự thảo Văn bản lấy ý kiến; Giấy mời.
B5	Tổ chức đi kiểm tra thực địa (nếu cần thiết);	Phòng TNN, Biên, các thành viên trong giấy mời	5,5 ngày (không kể thời gian kiểm tra thực địa, chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ)	Mẫu 05: Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có).
	Dự thảo Báo cáo thẩm định và Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan khi nhận được ý kiến góp ý	Công chức được giao xử lý hồ sơ		Mẫu 05: Dự thảo Báo cáo thẩm định; Văn bản tổng hợp ý kiến
	Trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa và ý kiến của các ngành liên quan nếu hồ sơ cần bổ sung, chỉnh sửa thì tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ và nộp lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã) + Nếu sau bổ sung chỉnh sửa không đáp ứng yêu cầu thì tham mưu văn bản trả hồ sơ trình Cơ quan chuyên môn NN&MT xem xét ký nháy, Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt, phát hành văn bản và trả cho tổ chức cá nhân qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo bước B9. + Nếu hồ sơ sau chỉnh sửa bổ sung đáp ứng yêu cầu thì tiếp tục hoàn thiện Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến.	Phòng TNN, B&HĐ; Chủ tịch UBND cấp xã		Mẫu 05: Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có); Hoặc mẫu 05; Văn bản trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo (nếu không đủ điều kiện giải quyết).

B6	Dự thảo Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã giao khu vực biển kèm theo Dự thảo Quyết định trình Cơ quan chuyên môn NN&MT xem xét ký nháy.	Công chức được giao xử lý hồ sơ	1,5 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Tờ trình và Quyết định.
B7	Xem xét, ký nháy kết quả tại B6	Cơ quan chuyên môn NN&MT	0,5 ngày	Mẫu 05; Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến, dự thảo Tờ trình đã ký nháy và dự thảo Quyết định.
B8	Chủ tịch UBND cấp xã xem xét giải quyết.	Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày	Mẫu 05; Báo cáo thẩm định, Văn bản tổng hợp ý kiến; Tờ trình đã ký duyệt; Dự thảo Quyết định đã ký nháy.
B9	Trả kết quả giải quyết TTHC.	Công chức TN&TK; tổ chức, cá nhân.	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Quyết định giao khu vực biển/Văn bản thông báo không đủ điều kiện phê duyệt quyết định giao khu vực biển/ Văn bản trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên phần mềm: https://dichvucong.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả		
				 Mẫu 01.docx

	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ	 Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ	 Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả	 Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	 Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ	 Mẫu 06.docx
	BM.BHĐ.05.01	Đơn đề nghị giao khu vực biển	 BM.BHĐ.05.01.docx
	BM.BHĐ.05.02	Bản đồ khu vực biển đề nghị công nhận	 BM.BHĐ.05.02.docx
	BM.BHĐ.05.03	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển	 BM.BHĐ.05.03.docx
	BM.BHĐ.05.04	Quyết định về việc giao khu vực biển	 BM.BHĐ.05.04.docx

4	HỒ SƠ LƯU
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ.
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3.
-	Văn bản lấy ý kiến, Văn bản cho ý kiến, Bảng tổng hợp ý kiến góp ý.
-	Giấy mời tham gia kiểm tra thực địa, biên bản kiểm tra thực địa (nếu có).
-	Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có).
-	Báo cáo thẩm định, Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết định giao khu vực biển; dự thảo quyết định.
-	Quyết định giao khu vực biển.
Hồ sơ được lưu tại cơ quan chuyên môn NN&MT cấp xã, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ và lưu trữ theo quy định hiện hành./.	